

NGHỊ QUYẾT

**Về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
khai thác, sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 5835/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 73/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai (bao gồm cả bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính) trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng tài liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai.

4. Đối tượng miễn nộp phí

- Hộ nghèo;
- Người cao tuổi;
- Người khuyết tật;
- Người có công với cách mạng;
- Các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước có nhu cầu cung cấp thông tin đất đai để thực hiện nhiệm vụ của Đảng và nhà nước theo quy định.

5. Cơ quan thu phí

a) Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố.

b) Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

6. Mức thu phí: (Phụ lục kèm theo).

7. Quản lý và sử dụng phí

Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai là khoản thu ngân sách nhà nước. Cơ quan thu phí được trích lại 80% để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 20% vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 65/2016/NQ-HĐND9 ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Công báo, Website, Báo, Đài PT-TH Bình Dương;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật - Sở Tư pháp;
- Các phòng thuộc Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh, App;
- Lưu: VT, Tuấn.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Chánh

Phụ lục

Mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương).

| Số TT | Loại tài liệu | Đơn vị tính | Mức thu phí (đồng) | | | |
|----------|------------------------------|----------------|-----------------------------------|---------------------------------|---|---------------------------------|
| | | | Cung cấp trực tiếp | | Cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử | |
| | | | Đối với thông tin dạng giấy | Đối với thông tin dạng số | Đối với thông tin dạng giấy | Đối với thông tin dạng số |
| 1 | Hồ sơ tài liệu đất đai | 01 trang | 36.000 | 30.000 | 38.000 | 32.000 |
| 2 | Các loại bản đồ | 01 mảnh | 80.000 | 65.000 | 84.000 | 68.000 |
| 3 | Tổng hợp thông tin địa chính | 10 thửa | 43.000 | | 45.000 | |

*** Ghi chú:**

- Mức thu tại Phụ lục này cho 01 (một) trang, từ trang thứ hai mỗi trang tăng thêm tính bằng 0,11 mức quy định trong bảng trên.

- Mức thu tại Phụ lục này cho 01 (một) mảnh, từ mảnh thứ hai mỗi mảnh tăng thêm tính bằng 0,11 mức quy định trong bảng trên.

- Mức thu tại Phụ lục này cho 10 (mười) thửa, nếu số thửa thay đổi thì mức tính theo tỷ lệ thuận với mức trên.

- Mức thu tại Phụ lục này chưa bao gồm chi phí chuyển gửi qua đường bưu điện và chi phí thiết bị sao lưu dữ liệu (đĩa CD, DVD, USB...)/.